|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /202…/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 202…* | |
| Dự thảo |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. *Ngân hàng liên doanh* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có tối thiểu một ngân hàng Việt Nam) và Bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều ngân hàng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nhưng không quá 05 thành viên, trong đó một thành viên và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 50% vốn điều lệ.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 2 như sau:

“13. *Thành viên góp vốn* là ngân hàng, doanh nghiệp góp vốn vào ngân hàng liên doanh; là tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào ngân hàng 100% vốn nước ngoài.”

3. Bổ sung điểm b(iii) vào điểm b khoản 3 Điều 31 như sau:

“(iii) Đối tác mới là doanh nghiệp, mà không phải ngân hàng, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là pháp nhân, được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

- Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

- Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;

- Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và tổng tài sản:

Trường hợp góp vốn từ trên 01% đến dưới 05% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh: Doanh nghiệp phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

Trường hợp góp vốn từ 01% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh: Doanh nghiệp phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

- Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

- Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật.*”*

**Điều 2. Bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Bổ sung điểm b(iii) vào điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

“(iii) Đối với bên mua, nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp, mà không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần của cổ đông góp vốn thành lập là tổ chức (tại điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (trừ đơn mua cổ phần). Doanh nghiệp nước ngoài cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

- Văn bản cam kết không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục Thông tư này.”

2. Bổ sung Phụ lục vào Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20 ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Ban lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra); - Công báo; - Lưu:VP, PC, TTGSNH6 (03 bản). | **KT.THỐNG ĐỐC**  **PHÓ THỐNG ĐỐC**  **Đoàn Thái Sơn** |

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/…/TT-NHNN ngày …/…/… của*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN**

**VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆTÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC**

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Lĩnh vực kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:

- Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:

*-* Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm: Tháng/ năm

+ Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào):*

*…, ngày … tháng … năm …*

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*